TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 165/2017/QĐST-HNGĐ	*Đầm Dơi, ngày 04 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 413/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị P: Ông Trịnh Thanh L – Luật sư của Văn phòng luật sư TTL thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3. 1 Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh huyện ĐD.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.2 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện ĐD.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp TLB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.4 Ông Nguyễn Thành N.

Địa chỉ: Ấp TANA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.5 Ông Trần Thành Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

3.6 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (Chủ Đại lý thức ăn TH).

Địa chỉ: Ấp TTB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

3.7 Bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

3.8. Bà Trần Thị T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

3.9 Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

3.10 Anh Nguyễn Xa R, sinh ngày 05/7/1999.

3.11 Anh Nguyễn Xa R, sinh năm 1995.

3.12 Anh Nguyễn Xa R, sinh năm 1993.

3.13 Cụ Huỳnh Thị Ư, sinh năm 1925.

Cùng địa chỉ: Ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Ư: Bà Lê Thắng M, sinh năm 1959 (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2016).

Địa chỉ: Số S đường D, khóm F, phường G, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

3.14 Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp TTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.15 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp TP, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.16 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.17 Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

3.18 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp TANA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

3.19 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp TĐA, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

3.20 Ông Nguyễn Minh X, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp TANA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.21 Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp TLB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3.22 Ủy ban nhân dân huyện ĐD.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24

tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị P thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Quá trình chung sống ông L và bà P có 03 con chung tên Nguyễn Xa R sinh năm 1993, Nguyễn Xa R sinh năm 1995 và Nguyễn Xa R sinh năm 1999. Ông L và bà P không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*:

- Ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị P tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung. Do đó, đình chỉ toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung của ông L yêu cầu phân chia diện tích đất 316m^2 thửa số 147, tờ bản đồ số 22 nằm trong diện tích 1.134,98 m^2 tọa lạc phường A, thành phố CM, tỉnh Cà Mau do ông Trần Thành Đ và bà Nguyễn Hồng C đứng tên quyền sử dụng. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị P yêu cầu phân chia số tài sản gồm:

+ Diện tích đất 45.422m^2 tọa lạc ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau do ông L đứng tên quyền sử dụng và 01 căn nhà tường diện tích 300m^2 cất trên đất.

+ 01 nền đất ngang 5m, dài 35m tọa lạc khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau do ông L nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hồng H và bà Trần Thị T.

+ Diện tích đất 316m^2 thửa số 147, tờ bản đồ số 22 nằm trong diện tích 1.134,98 m^2 tọa lạc tại phường A, thành phố CM, tỉnh Cà Mau do ông Trần Thành Đ và bà Nguyễn Hồng C đứng tên quyền sử dụng.

+ 01 xe mô tô AIRBLADE biển kiểm soát 69F1- 03XXX; 01 xe mô tô Wave RS biển kiểm soát 69F1-09ZZZ; 01 xe Wave anpha biển kiểm soát 69F1-16XXX.

+ 06 máy dầu trong đó có 02 máy D8, 02 máy D6; 06 moter trong đó 02 cái hiệu XangHai loại 3kw và 04 cái Bảo Long loại 1,5kw; 06 giảm tốc trong đó 03 giảm tốc 15 và 03 giảm tốc 10.

- Ông Nguyễn Minh L tự nguyện giao lại cho bà Nguyễn Thị P 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), đây là giá trị tài sản thỏa thuận giao cho bà P được hưởng.

- Cụ Huỳnh Thị Ư tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập. Do đó, Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của cụ Huỳnh Thị Ư yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh L diện tích 45.422m^2 đất tọa lạc ấp TANB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau và buộc ông L chuyển tên quyền sử dụng đất lại cho cụ đứng tên.

* *Về nợ:* Ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị P thỏa thuận ông L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện ĐD, Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện ĐD và bà Nguyễn Thị T nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện ĐD, Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện ĐD và bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu khởi kiện độc lập để đòi lại số nợ ông L và bà P kê khai nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình ông Nguyễn Minh L tự nguyện nộp 100.000 đồng. Ông L đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 200.000 đồng tại biên lai số 0017763 ngày 14/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu đối trừ, ông L được nhận lại số tiền chênh lệch là 100.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị P tự nguyện chịu theo quy định pháp luật số tiền 1.250.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.007.000 đồng theo biên lai số 0017815 ngày 08 tháng 8 năm 2016, bà P được nhận lại số tiền chênh lệch là 9.757.000 đồng; ông Nguyễn Minh L tự nguyện chịu theo quy định pháp luật số tiền 1.250.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.365.000 đồng theo biên lai số 0017764 ngày 14 tháng 7 năm 2016, ông L được nhận lại số tiền chênh lệch là 115.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Hoàn trả lại cho cụ Huỳnh Thị Ư 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0008588 ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản bà Nguyễn Thị P tự nguyện chịu 9.000.000 đồng, bà P đã nộp và đối chiếu thanh toán xong.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TAKN, huyện ĐD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên